

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2594/QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày 20 tháng 10 năm 2023

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Đại Từ**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;*

*Căn cứ Luật số 35/2018/QH14 ngày 20 tháng 11 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch;*

*Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;*

*Căn cứ Nghị quyết số 79/NQ-HĐND ngày 31 tháng 8 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc thông qua điều chỉnh, bổ sung danh mục các dự án thu hồi đất, các dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;*

*Căn cứ Quyết định số 2070/QĐ-UBND ngày 30 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất huyện Đại Từ thời kỳ 2021-2030;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 609/TTr-STNMT ngày 20 tháng 9 năm 2023.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Đại Từ với các chỉ tiêu chủ yếu sau:

1. Diện tích các loại đất phân bổ bổ sung trong năm kế hoạch:

Tổng diện tích các loại đất phân bổ bổ sung năm 2023 là 19,739 ha.

*(Chi tiết tại phụ lục I kèm theo)*

2. Kế hoạch thu hồi các loại đất:

Tổng diện tích thu hồi bổ sung năm 2023 là 19,739 ha.

*(Chi tiết tại phụ lục II kèm theo)*

**3. Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất:**

Tổng diện tích chuyển mục đích sử dụng đất bổ sung năm 2023 là 14,634 ha.

*(Chi tiết tại phụ lục III kèm theo)*

**4. Danh mục công trình, dự án:**

Tổng số công trình, dự án bổ sung thực hiện năm 2023 là 02 công trình, dự án.

*(Chi tiết tại phụ lục IV kèm theo)*

**Điều 2.** Phê duyệt điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất huyện Đại Từ

Điều chỉnh diện tích đối với 02 dự án đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 3414/QĐ-UBND ngày 30/12/2022. Các nội dung khác vẫn giữ nguyên theo Quyết định số 3414/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của UBND tỉnh.

*(Chi tiết tại phụ lục V kèm theo)*

**Điều 3.** Căn cứ vào Điều 1 Điều 2 của Quyết định này, Ủy ban nhân dân huyện Đại Từ có trách nhiệm:

1. Công bố công khai điều chỉnh, bổ sung kế hoạch sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật về đất đai.

2. Tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm toàn diện về thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất phù hợp với quy hoạch của các ngành, lĩnh vực có liên quan, đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật.

3. Đối với các dự án có chuyển mục đích sử dụng từ 10 héc ta đất trồng lúa trở lên, Ủy ban nhân dân huyện Đại Từ hướng dẫn các chủ đầu tư hoàn thiện đầy đủ hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, gửi đến Sở Tài nguyên và Môi trường để báo cáo UBND tỉnh, trình Thủ tướng Chính phủ chấp thuận cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa trước khi thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng quy định tại điểm c khoản 2 Điều 68 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ;

4. Tổ chức kiểm tra thường xuyên việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất. Chịu trách nhiệm về việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đại Từ và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Quang Tiến**

**Phụ lục I**

**Diện tích các loại đất phân bổ bổ sung năm 2023 huyện Đại Từ**  
(Kèm theo Quyết định số 2594/QĐ-UBND ngày 20 tháng 10 năm 2023  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính			
			Xã Cù Vân	Xã Tân Thái	TT Hùng Sơn	Xã Tiên Hội
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>					
1.1	Đất trồng lúa					
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác					
1.3	Đất trồng cây lâu năm					
1.4	Đất rừng phòng hộ					
1.5	Đất rừng đặc dụng					
1.6	Đất rừng sản xuất					
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản					
1.8	Đất nông nghiệp khác					
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>19,739</b>	<b>10,950</b>	<b>3,700</b>	<b>1,255</b>	<b>3,834</b>
2.1	Đất ở nông thôn					
2.2	Đất ở đô thị					
2.3	Đất xây dựng trụ sở cơ quan					
2.4	Đất an ninh					
2.5	Đất quốc phòng					
2.6	Đất xây dựng công trình sự nghiệp					
2.7	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp					
2.8	Đất có mục đích công cộng	19,739	10,950	3,700	1,255	3,834
2.9	Đất cơ sở tôn giáo					
2.10	Đất cơ sở tín ngưỡng					

2.11	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng					
2.12	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối					
2.13	Đất có mặt nước chuyên dùng					
2.14	Đất phi nông nghiệp khác					
2.15	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối					
2.16	Đất có mặt nước chuyên dùng					
2.17	Đất phi nông nghiệp khác					

**Phụ lục II**

**Kế hoạch thu hồi đất bổ sung năm 2023 huyện Đại Từ**  
(Kèm theo Quyết định số 2594/QĐ-UBND ngày 20 tháng 10 năm 2023  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính			
			Xã Cù Vân	Xã Tân Thái	TT Hùng Sơn	Xã Tiên Hội
	<b>Tổng</b>	<b>19,739</b>	<b>10,950</b>	<b>3,700</b>	<b>1,255</b>	<b>3,834</b>
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>14,634</b>	<b>9,950</b>	<b>3,700</b>	<b>0,710</b>	<b>0,274</b>
1.1	Đất trồng lúa	3,120	2,800	0,100		0,220
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	0,494			0,460	0,034
1.3	Đất trồng cây lâu năm	1,335	1,150		0,180	0,005
1.4	Đất rừng phòng hộ	4,900	4,000	0,900		
1.5	Đất rừng đặc dụng					
1.6	Đất rừng sản xuất	4,715	2,000	2,700		0,015
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	0,070			0,070	
1.8	Đất nông nghiệp khác					
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>5,105</b>	<b>1,000</b>	<b>0,000</b>	<b>0,545</b>	<b>3,560</b>
2.1	Đất ở nông thôn					
2.2	Đất ở đô thị					
2.3	Đất xây dựng trụ sở cơ quan					
2.4	Đất an ninh					
2.5	Đất quốc phòng					
2.6	Đất xây dựng công trình sự nghiệp					
2.7	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp					
2.8	Đất có mục đích công cộng	1,000	1,000			

2.9	Đất cơ sở tôn giáo					
2.10	Đất cơ sở tín ngưỡng					
2.11	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng					
2.12	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	4,105			0,545	3,560
2.13	Đất có mặt nước chuyên dùng					
2.14	Đất phi nông nghiệp khác					

**Phụ lục III**

**Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất bổ sung năm 2023 huyện Đại Từ**  
(Kèm theo Quyết định số 2594/QĐ-UBND ngày 20 tháng 10 năm 2023  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

Đơn vị tính: ha

STT	Chi tiêu sử dụng đất	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính			
			Xã Cù Vân	Xã Tân Thái	TT Hùng Sơn	Xã Tiên Hội
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp</b>	<b>14,634</b>	<b>9,950</b>	<b>3,700</b>	<b>0,710</b>	<b>0,274</b>
1.1	Đất trồng lúa	3,120	2,800	0,100		0,220
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	0,494			0,460	0,034
1.3	Đất trồng cây lâu năm	1,335	1,150		0,180	0,005
1.4	Đất rừng phòng hộ	4,900	4,000	0,900		
1.5	Đất rừng đặc dụng					
1.6	Đất rừng sản xuất	4,715	2,000	2,700		0,015
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	0,070			0,070	
1.8	Đất nông nghiệp khác					
<b>2</b>	<b>Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp</b>					
	<i>Trong đó:</i>					
2.1	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng cây lâu năm					
2.2	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng rừng					
2.3	Đất trồng lúa chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản					
2.4	Đất trồng lúa chuyển sang đất làm muối					
2.5	Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản					

2.6	Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất làm muối					
2.7	Đất rừng phòng hộ chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng					
2.8	Đất rừng đặc dụng chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng					
2.9	Đất rừng sản xuất chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng					

**Phụ lục IV****Danh mục 02 công trình, dự án bổ sung danh mục công trình, dự án sử dụng đất năm 2023 trên địa bàn huyện Đại Từ***(Kèm theo Quyết định số 2594/QĐ-UBND ngày 20 tháng 10 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)*

TT	Tên công trình dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Trong đó sử dụng từ loại đất (ha)			
				Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác
	<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>19,739</b>	<b>3,120</b>			<b>11,719</b>
1	Đường giao thông kết nối Quốc lộ 37 với đường ĐT.270 (đoạn từ đường Cù Vân – An Khánh đến Hồ Cây Vi thuộc xã Tân Thái, huyện Đại Từ)	Xã Cù Vân, huyện Đại Từ	10,950	2,800	4,000		4,150
		Xã Tân Thái, huyện Đại Từ	3,700	0,100	0,900		2,700
2	Xử lý sạt lở cấp bách sông, suối tỉnh Thái Nguyên (thuộc dự án Xử lý sạt lở cấp bách sông, suối một số tỉnh miền núi phía Bắc)	Thị trấn Hùng Sơn, huyện Đại Từ	1,255				1,255
		Xã Tiên Hội, huyện Đại Từ	3,834	0,220			3,614

**Phụ lục V**  
**Điều chỉnh diện tích đối với 02 dự án trên địa bàn huyện Đại Từ**  
*(Kèm theo Quyết định số 2594/QĐ-UBND ngày 20 tháng 10 năm 2023*  
*của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)*

Quyết định của UBND tỉnh Thái Nguyên đã phê duyệt								Nay điều chỉnh lại như sau							
STT	Tên công trình, dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Trong đó sử dụng từ loại đất (ha)				STT	Tên công trình, dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Trong đó sử dụng từ loại đất (ha)			
				Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác					Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác
	<b>Quyết định số 3414/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của UBND tỉnh</b>														
1	Khu đô thị Sơn Hà	Thị trấn Hùng Sơn, huyện Đại Từ	28,09	11,5			16,59	1	Khu đô thị Sơn Hà	Thị trấn Hùng Sơn, huyện Đại Từ	28,52	11,5			17,02
2	Khu dân cư nông thôn số 3	Xã Tiên Hội, huyện Đại Từ	14,74	12,07			2,67	2	Khu dân cư nông thôn số 3	Xã Tiên Hội, huyện Đại Từ	11,84	10,53			1,31